

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ - ST

Ngày 23 - 4 - 2019

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Tấn Liêm**

Ông **Nguyễn Văn Hành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị M** – sinh năm 1991 (Có mặt)

Cư trú tại: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Lê Xoài R** – sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cư trú tại: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa chị Võ Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Lê XR kết hôn vào năm 2004, nhưng đến ngày 17/6/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng sau thì có phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, anh XR thường hay chửi mắng thô tục và đánh đập chị, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê XR.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai người con tên

Lê Trọng N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Lê Ngọc T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2007. Hiện con đang sống chung với Chị M. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh XR cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh XR đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh XR hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh XR vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ văn bản nào có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Võ Thị M và anh Lê XR là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lê XR có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị M và anh Lê XR kết hôn vào năm 2004, nhưng đến ngày 17/6/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Võ Thị M có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Chị M đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh XR đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh XR hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh XR vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân

huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh XR.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Chị M và anh XR phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh XR không có ý kiến gì đối với việc Chị M xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của Chị M và anh XR đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho Chị M được ly hôn với anh XR.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh XR có hai người con chung tên Lê Trọng N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Lê Ngọc T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2007. Hiện con đang sống chung với Chị M. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu con được nuôi con và yêu cầu anh XR phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, anh XR không có ý kiến gì về yêu cầu của Chị M và tại các biên bản làm việc ngày 23/4/2019 thì cháu N và cháu T có nguyện vọng được sống với Chị M nên Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu T cho Chị M nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M yêu cầu anh XR có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó Tòa án buộc anh XR phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu Lê Trọng N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Lê Ngọc T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2007 tròn 18 tuổi. Tổng cộng anh XR phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N và cháu T mỗi tháng 1.600.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Chị M và anh XR có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Chị M và anh XR đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị M được ly hôn với anh Lê XR.

[2] Về con chung: Giao cháu **Lê Trọng N**, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và cháu **Lê Ngọc T**, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2007 cho chị Võ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Buộc anh XR phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu Lê Trọng N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Lê Ngọc T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2007 tròn 18 tuổi. Tổng cộng anh Xoài riêng phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N và cháu T mỗi tháng 1.600.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005044 ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Võ Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê XR phải nộp 300.000 đồng (Chư nộp). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê XR vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết